TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện.
2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 496/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 và quyết định thay đổi thư ký phiên tòa số 17/2021/QĐ-TĐ, ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Phương T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Trần Trọng Tr, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ N, khu phố M, thị trấn Y, huyện D, tỉnh Bình Thuận

Hiện đang chấp hành án tại đội T, phân trại S, trại giam Q, huyện D, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng bị đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Phương T trình bày: Chị và anh Trần Trọng Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 13/6/2017, đăng ký kết hôn số 41/2017. Quá trình chung sống giữa anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Tr không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Năm 2019 anh Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 12 năm tù về tội mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh Tr đang chấp hành án tại đội T, phân trại S, trại giam Q, huyện D, tỉnh Bình Thuận. Đến nay chị xác định không còn tình cảm yêu thương đối với anh Tr nữa. Hơn nữa thời gian anh Tr chấp hành án kéo dài nhiều năm nên anh không thể ở gần để thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc mẹ con chị nên mục đích hôn nhân giữa chị và anh Tr không đạt, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn anh Tr.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Trần Trọng Tr trình bày: Anh và chị Lương Thị Phương T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 13/6/2017, đăng ký kết hôn số 41/2017. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do anh đang chấp hành án tại trại giam Q nên không thể tham gia phiên họp, xét xử tại Tòa án, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh, chị có 2 con chung là Trần Thị Anh Th, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Trọng T, sinh ngày 27/9/2017, anh chị thống nhất giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tr không phải cấp dưỡng cho chị T nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Phương T và anh Trần Trọng Tr tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 13/6/2017, đăng ký kết hôn số 41/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Hơn nữa năm 2019 thì anh Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 12 năm tù và phải chấp hành án trong thời gian khá dài nên anh không thể cùng với chị T chăm lo cuộc sống gia đình, chăm sóc con chung. Do đó, chị T đã không còn tình cảm với anh nữa, chị kiên quyết ly hôn và anh Tr cũng đồng ý ly hôn với chị. Thấy rằng cuộc hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, các bên không còn tình cảm, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh Tr là phù hợp.

[b] Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Trọng T, sinh ngày 27/9/2017. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh Tr cũng đồng ý. Mặt khác, hiện nay anh Tr đang chấp hành án nên cũng không thể giao con cho anh nuôi dưỡng được. Chị T là người có sức khỏe, có công việc, thu nhập nên giao các con cho chị nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Anh, chị không tranh chấp nên không cần xem xét trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị Phương T ly hôn anh Trần Trọng Tr.

- Về con chung: Chị Lương Thị Phương T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/11/2014 và Trần Trọng T, sinh ngày 27/9/2017. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST:

Chị Lương Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004094, ngày 23 tháng 11 năm 2020. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (30/3/2021). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đức Linh;*
- *Chi cục THA huyện Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã C;*
- *TAND tỉnh;*
- *Lưu HSVA, QĐ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà